

Số: 05/TB-HĐTD

Kiến An, ngày 04 tháng 8 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Công nhận kết quả trúng tuyển**  
**kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông báo số 318/TB-UBND ngày 31/5/2023 của Ủy ban nhân dân quận về việc tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân quận về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023;

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023 thông báo công nhận kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023.

*(Có danh sách kèm theo)*

Đối với thí sinh trong danh sách trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định nộp về Ủy ban nhân dân quận (qua phòng Nội vụ quận) từ ngày 07/8/2023 đến ngày 06/9/2023, chi tiết liên hệ phòng Nội vụ quận Kiến An - Cơ quan Thường trực Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023; liên hệ giờ hành chính qua số điện thoại 02253.878.859 (bà Hoàng Thị Anh; ĐT 0974.892.682).

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Thành viên HĐTD quận;
- Các trường học thuộc quận;
- Thí sinh trúng tuyển;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN**  
**Nguyễn Phong Doanh**

**UBND QUẬN KIẾN AN**  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**  
**VIÊN CHỨC GD VÀ ĐT NĂM 2023**

**DANH SÁCH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**  
**VỊ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON**

*(Kèm theo Thông báo số: 05 /TB-HĐTD ngày 04/8/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023)*

| Stt | Số báo danh | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo    | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |              | Ghi chú |
|-----|-------------|---------------------|---------------------|------------|--------------------------------|-------------------|-----------|---------|--------------|---------|
|     |             |                     | Nam                 | Nữ         |                                |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng    |         |
| 1   | MN 15       | Nguyễn Thị Kim Thoa |                     | 29/04/1993 | Đại học ngành Giáo dục mầm non |                   | 80,0      |         | <b>80,00</b> |         |
| 2   | MN 08       | Phạm Thị Hương      |                     | 03/07/1995 | Đại học ngành Giáo dục mầm non |                   | 76,5      |         | <b>76,50</b> |         |
| 3   | MN 12       | Đoàn Thị Nhâm       |                     | 08/10/1991 | Đại học ngành Giáo dục mầm non |                   | 76,5      |         | <b>76,50</b> |         |
| 4   | MN 01       | Nguyễn Thị Ngọc Anh |                     | 10/02/2000 | Đại học ngành Giáo dục mầm non |                   | 76,0      |         | <b>76,00</b> |         |
| 5   | MN 10       | Vũ Thị Nội          |                     | 08/08/1983 | Đại học ngành Giáo dục mầm non |                   | 76,0      |         | <b>76,00</b> |         |
| 6   | MN 13       | Lê Hồng Nhung       |                     | 03/12/1994 | Cao đẳng ngành sư phạm mầm non |                   | 74,5      |         | <b>74,50</b> |         |
| 7   | MN 11       | Đoàn Bích Ngọc      |                     | 28/04/1999 | Cao đẳng ngành sư phạm mầm non |                   | 74,0      |         | <b>74,00</b> |         |
| 8   | MN 14       | Trần Thị Kim Oanh   |                     | 17/07/1985 | Đại học ngành Giáo dục mầm non |                   | 74,0      |         | <b>74,00</b> |         |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo     | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |              | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|---------------------|------------|---------------------------------|-------------------|-----------|---------|--------------|---------|
|     |             |                      | Nam                 | Nữ         |                                 |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng    |         |
| 9   | MN 06       | Đỗ Thị Hồng          |                     | 25/08/1991 | Đại học ngành sư phạm mầm non   |                   | 73,0      |         | <b>73,00</b> |         |
| 10  | MN 07       | Trương Thị Thu Huệ   |                     | 09/11/1986 | Đại học ngành Giáo dục mầm non  |                   | 62,5      |         | <b>62,50</b> |         |
| 11  | MN 02       | Lê Thị Chiêm         |                     | 07/12/1991 | Đại học ngành Giáo dục mầm non  |                   | 61,5      |         | <b>61,50</b> |         |
| 12  | MN 09       | Trần Thị Hải Minh    |                     | 13/07/1999 | Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non |                   | 55,0      |         | <b>55,00</b> |         |
| 13  | MN 05       | Hoàng Thị Hoàn       |                     | 16/09/1993 | Đại học ngành Giáo dục mầm non  |                   | 54,5      |         | <b>54,50</b> |         |
| 14  | MN 16       | Trần Thị Huyền Trang |                     | 27/11/1989 | Đại học ngành Giáo dục mầm non  |                   | 52,5      |         | <b>52,50</b> |         |
| 15  | MN 04       | Đồng Thanh Hằng      |                     | 26/05/2000 | Đại học ngành Giáo dục mầm non  |                   | 52,0      |         | <b>52,00</b> |         |
| 16  | MN 03       | Phạm Thị Hà          |                     | 23/11/1998 | Đại học ngành Giáo dục mầm non  |                   | 50,5      |         | <b>50,50</b> |         |

**Tổng số 16 thí sinh**

UBND QUẬN KIẾN AN  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
VIÊN CHỨC GD VÀ ĐT NĂM 2023

**DANH SÁCH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**  
**VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

*(Kèm theo Thông báo số: 05 /TB-HĐTD ngày 04/8/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023)*

| Stt | Số báo danh       | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo     | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |           | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------|---------------------|------------|---------------------------------|-------------------|-----------|---------|-----------|---------|
|     |                   |                     | Nam                 | Nữ         |                                 |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng |         |
| I   | GIÁO VIÊN VĂN HOÁ |                     |                     |            |                                 |                   |           |         |           |         |
| 1   | TH - VH05         | Nguyễn Hương Dung   |                     | 28/12/1998 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 93,00     |         | 93,00     |         |
| 2   | TH - VH09         | Vũ Thanh Hải        |                     | 17/03/1999 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 92,00     |         | 92,00     |         |
| 3   | TH - VH04         | Lê Ngọc Diệp        |                     | 14/12/2000 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 91,50     |         | 91,50     |         |
| 4   | TH - VH10         | Nguyễn Thị Thu Hoài |                     | 02/03/1988 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 91,00     |         | 91,00     |         |
| 5   | TH - VH08         | Đỗ Hà Giang         |                     | 19/09/1999 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 90,00     |         | 90,00     |         |
| 6   | TH - VH11         | Nguyễn Văn Hoàng    | 09/12/1997          |            | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 90,00     |         | 90,00     |         |
| 7   | TH - VH01         | Nguyễn Trang Anh    |                     | 23/06/1995 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học |                   | 88,00     |         | 88,00     |         |

| Stt                           | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo                                                              | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |              | Ghi chú |
|-------------------------------|-------------|------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|---------|--------------|---------|
|                               |             |                        | Nam                 | Nữ         |                                                                                          |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng    |         |
| 8                             | TH - VH31   | Trương Thanh Thảo      |                     | 27/10/1999 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 87,25     |         | <b>87,25</b> |         |
| 9                             | TH - VH15   | Nguyễn Đức Lập         | 22/10/1998          |            | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 87,00     |         | <b>87,00</b> |         |
| 10                            | TH - VH22   | Phạm Thị Mơ            |                     | 25/02/1985 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 86,50     |         | <b>86,50</b> |         |
| 11                            | TH - VH16   | Bùi Thị Phương Linh    |                     | 28/10/2000 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 86,00     |         | <b>86,00</b> |         |
| 12                            | TH - VH29   | Nguyễn Thị Phương Thảo |                     | 21/01/1995 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 85,75     |         | <b>85,75</b> |         |
| 13                            | TH - VH14   | Nguyễn Thị Lan Hương   |                     | 03/06/1999 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 85,00     |         | <b>85,00</b> |         |
| 14                            | TH - VH18   | Vũ Thị Lương           |                     | 01/04/1985 | Đại học ngành Giáo dục tiểu học                                                          |                   | 84,00     |         | <b>84,00</b> |         |
| <b>II GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ</b> |             |                        |                     |            |                                                                                          |                   |           |         |              |         |
| 1                             | TH - NN07   | Hoàng Thị Thơm         |                     | 19/12/1992 | Đại học ngành sư phạm Tiếng Anh; Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh                                    |                   | 87,00     |         | <b>87,00</b> |         |
| 2                             | TH - NN06   | Đào Thị Hồng Thoan     |                     | 27/03/1995 | Đại học ngành Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên Tiếng Anh cấp tiểu học |                   | 85,75     |         | <b>85,75</b> |         |
| 3                             | TH - NN05   | Khúc Thị Quỳnh         |                     | 04/12/1989 | Đại học ngành sư phạm Tiếng Anh                                                          |                   | 82,00     |         | <b>82,00</b> |         |
| 4                             | TH - NN01   | Lê Thị Thu Hoài        |                     | 15/01/1985 | Đại học ngành sư phạm Tiếng Anh                                                          |                   | 81,75     |         | <b>81,75</b> |         |

| Stt        | Số báo danh              | Họ và tên      | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo                                                                 | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |              | Ghi chú |
|------------|--------------------------|----------------|---------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|---------|--------------|---------|
|            |                          |                | Nam                 | Nữ         |                                                                                             |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng    |         |
| 5          | TH - NN02                | Nguyễn Thị Huê |                     | 05/03/1985 | Đại học ngành Ngôn ngữ Anh;<br>Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên Tiếng Anh cấp tiểu học |                   | 79,50     |         | <b>79,50</b> |         |
| <b>III</b> | <b>GIÁO VIÊN ÂM NHẠC</b> |                |                     |            |                                                                                             |                   |           |         |              |         |
| 1          | TH - AN01                | Vũ Văn Cường   | 04/08/1978          |            | Đại học ngành sư phạm Âm nhạc                                                               |                   | 78,50     |         | <b>78,50</b> |         |

**Tổng số 20 thí sinh**

**UBND QUẬN KIẾN AN**  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**  
**VIÊN CHỨC GD VÀ ĐT NĂM 2023**

**DANH SÁCH**

**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**  
**VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Kèm theo Thông báo số: 05/TB-HĐTD ngày 04/8/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023)

| Stt | Số báo danh      | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo                | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |           | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------|---------------------|------------|--------------------------------------------|-------------------|-----------|---------|-----------|---------|
|     |                  |                      | Nam                 | Nữ         |                                            |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng |         |
| I   | GIÁO VIÊN TOÁN   |                      |                     |            |                                            |                   |           |         |           |         |
| 1   | THCS - T09       | Trần Thị Thu Trang   |                     | 27/09/1991 | Đại học ngành sư phạm Toán                 |                   | 89,00     |         | 89,00     |         |
| 2   | THCS - T03       | Đỗ Minh Duyên        |                     | 18/05/1990 | Đại học ngành sư phạm Toán                 |                   | 87,00     |         | 87,00     |         |
| II  | GIÁO VIÊN VẬT LÝ |                      |                     |            |                                            |                   |           |         |           |         |
| 1   | THCS - VL01      | Đinh Đức Linh        | 24/05/1983          |            | Cử nhân Khoa học Vật lý;<br>Thạc sỹ Vật lý |                   | 86,00     |         | 86,00     |         |
| III | GIÁO VIÊN VĂN    |                      |                     |            |                                            |                   |           |         |           |         |
| 1   | THCS - V03       | Hoàng Thị Mai Phương |                     | 07/12/1999 | Đại học ngành sư phạm Ngữ văn              |                   | 86,00     |         | 86,00     |         |
| 2   | THCS - V05       | Cao Thuý Trang       |                     | 20/12/1997 | Đại học ngành sư phạm Ngữ văn              |                   | 85,00     |         | 85,00     |         |
| 3   | THCS - V04       | Hà Thị Huyền Trang   |                     | 14/10/1997 | Đại học ngành sư phạm Ngữ văn              |                   | 84,00     |         | 84,00     |         |

| Stt | Số báo danh         | Họ và tên      | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo                                                                            | Đối tượng ưu tiên | Điểm      |         |           | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------|---------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|---------|-----------|---------|
|     |                     |                | Nam                 | Nữ         |                                                                                                        |                   | Thực hành | Ưu tiên | Tổng cộng |         |
| IV  | GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ |                |                     |            |                                                                                                        |                   |           |         |           |         |
| 1   | THCS - NN01         | Đào Khánh Linh |                     | 24/03/1998 | Đại học ngành sư phạm Tiếng Anh                                                                        |                   | 89,00     |         | 89,00     |         |
| V   | TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI  |                |                     |            |                                                                                                        |                   |           |         |           |         |
| 1   | THCS - TPT01        | Trần Thị Nga   |                     | 27/09/1993 | Đại học ngành sư phạm Âm nhạc; Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhiệm vụ công tác Đoàn, Hội, Đội |                   | 75,00     |         | 75,00     |         |

**Tổng số 08 thí sinh**

**UBND QUẬN KIẾN AN**  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**  
**VIÊN CHỨC GD VÀ ĐT NĂM 2023**

**DANH SÁCH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**  
**VỊ TRÍ NHÂN VIÊN**

(Kèm theo Thông báo số: 05/TB-HĐTD ngày 04/8/2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục và đào tạo năm 2023)

| Stt | Số báo danh                  | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo              | Đối tượng ưu tiên               | Điểm      |         |           | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-----------------------|---------------------|------------|------------------------------------------|---------------------------------|-----------|---------|-----------|---------|
|     |                              |                       | Nam                 | Nữ         |                                          |                                 | Phỏng vấn | Ưu tiên | Tổng cộng |         |
| I   | NHÂN VIÊN THƯ VIỆN, THIẾT BỊ |                       |                     |            |                                          |                                 |           |         |           |         |
| 1   | NV - TV01                    | Nguyễn Thị Xuân Nhung |                     | 16/11/1988 | Trung cấp ngành Thư viện - Thiết bị      |                                 | 76,00     |         | 76,00     |         |
| II  | NHÂN VIÊN KẾ TOÁN            |                       |                     |            |                                          |                                 |           |         |           |         |
| 1   | NV - KT06                    | Phạm Thị Thanh Huyền  |                     | 05/12/1991 | Đại học ngành Tài chính ngân hàng        | Con thương binh loại A hạng 4/4 | 85,00     | 5       | 90,00     |         |
| 2   | NV - KT03                    | Vũ Nghiêm Hiền        |                     | 27/01/1981 | Đại học ngành Quản trị Tài chính kế toán |                                 | 81,50     |         | 81,50     |         |
| 3   | NV - KT12                    | Hà My Thanh Thảo      |                     | 18/08/1992 | Đại học ngành Kế toán                    |                                 | 80,00     |         | 80,00     |         |
| 4   | NV - KT14                    | Trần Thị Trang        |                     | 25/03/1994 | Đại học ngành Tài chính ngân hàng        |                                 | 79,50     |         | 79,50     |         |

| Stt | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh |            | Trình độ chuyên môn đào tạo              | Đối tượng ưu tiên               | Điểm      |         |              | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------|---------------------------------|-----------|---------|--------------|---------|
|     |             |                        | Nam                 | Nữ         |                                          |                                 | Phỏng vấn | Ưu tiên | Tổng cộng    |         |
| 5   | NV - KT05   | Hoàng Thị Huyền        |                     | 28/06/1994 | Đại học ngành Kế toán                    |                                 | 75,50     |         | <b>75,50</b> |         |
| 6   | NV - KT02   | Phạm Thị Thuý Hà       |                     | 30/07/1973 | Đại học ngành Kế toán                    |                                 | 74,50     |         | <b>74,50</b> |         |
| 7   | NV - KT13   | Trần Thị Thu           |                     | 11/11/1977 | Đại học ngành Kế toán                    | Con thương binh loại A hạng 3/4 | 68,50     | 5       | <b>73,50</b> |         |
| 8   | NV - KT07   | Đào Thị Mong           |                     | 05/07/1993 | Đại học ngành Tài chính ngân hàng        |                                 | 73,00     |         | <b>73,00</b> |         |
| 9   | NV - KT09   | Võ Thị Mỹ Ngọc         |                     | 25/10/1976 | Đại học ngành Quản trị Tài chính kế toán | Con thương binh loại A hạng 4/4 | 68,00     | 5       | <b>73,00</b> |         |
| 10  | NV - KT08   | Ngô Thị Thuý Ninh      |                     | 03/10/1989 | Đại học ngành Kế toán                    | Con thương binh loại A hạng 4/4 | 67,50     | 5       | <b>72,50</b> |         |
| 11  | NV - KT01   | Nguyễn Thị Vân Anh     |                     | 15/03/1993 | Cao đẳng ngành Kế toán                   |                                 | 71,00     |         | <b>71,00</b> |         |
| 12  | NV - KT15   | Nguyễn Thị Hoàng Yến   |                     | 05/07/1979 | Đại học ngành Kế toán                    | Con thương binh loại A hạng 4   | 66,00     | 5       | <b>71,00</b> |         |
| 13  | NV - KT10   | Nguyễn Thị Bình Nguyên |                     | 08/05/1984 | Đại học ngành Quản trị Tài chính kế toán |                                 | 67,00     |         | <b>67,00</b> |         |

**Tổng số 14 thí sinh**